

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 05/2020/KDTM-ST

Ngày: 27-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mừng;

2. Bà Lưu Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-KDTM ngày 08 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu D;

Địa chỉ trụ sở: Phòng 702A-Tầng 7, Tòa nhà C, 106 NVT, Phường T, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Chang Y, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của ông Chang Y: Ông Mai Thanh H; Địa chỉ cư trú: Số nhà 88/5, đường NĐC, phường B, Quận PN, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 02-7-2020); Có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh M.

Địa chỉ trụ sở: Số 363, đường TP, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Ngọc Q; chức vụ: Giám đốc Công ty; Địa chỉ cư trú: Số 1/6, ấp LH, xã TT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị Kim N, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Số 1, đường số B, đường TB, khu phố NT, phường NS, thành phố TN; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Lý Quốc M, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: Số 77/10, đường NT, phường B, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02-7-2020, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu D, ông Mai Thanh H trình bày:

Ngày 11-01-2020 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu D (gọi tắt là Công ty D) ký kết hợp đồng nguyên tắc số MK 01/HĐNT với Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh M (gọi tắt là Công ty M) trong đó thỏa thuận về việc mua bán nhựa chủng loại PET với tổng giá trị 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng. Hợp đồng có hiệu lực trong vòng 03 tháng, kể từ ngày 08-02-2020 đến ngày 07-5-2020.

Ngày 14-01-2020 Công ty D đặt cọc số tiền 600.000.000 đồng cho Công ty M; thỏa thuận Công ty M bắt đầu giao hàng từ ngày 08-02-2020 cho đến ngày 07-5-2020; mỗi tháng giao số lượng 200.000 kg PET.

Công ty M đã tiến hành giao hàng và nhận được thanh toán như sau:

+ Ngày 07-02-2020 giao 5.130 kg, nhận thanh toán số tiền 76.975.000 đồng.

+ Ngày 10-02-2020 giao 5.280 kg; Ngày 13-02-2020 giao 4.290kg; Ngày 15-02-2020 giao 3.160 kg. Tổng cộng 03 đơn hàng này Công ty M đã giao 12.730 kg và nhận thanh toán số tiền 190.950.000 đồng vào ngày 17-02-2020.

+ Ngày 18-02-2020 giao 2.880kg, đã nhận thanh toán số tiền 43.200.000 đồng.

+ Ngày 24-02-2020 giao 4.450 kg và ngày 25-02-2020 giao 3.190kg (hàng lỗi); tổng cộng hàng lỗi trị giá là 114.600.000 đồng. Công ty D có cung cấp những bức ảnh chụp hàng lỗi của Công ty M, yêu cầu Công ty M đổi hàng nhưng không liên lạc được với ông Q và Công ty M nên không trả hàng lỗi được.

Sau hơn 02 tháng không liên hệ được, ngày 04-5-2020 Công ty D đã cử ông Mai Thanh H đến Công ty M để làm việc. Ngày 08-5-2020 bà Trương Thị Kim N theo sự ủy quyền của ông Q viết giấy hẹn trong đó yêu cầu Công ty D thanh lý hợp đồng với Công ty M và sẽ thanh toán số tiền 485.400.000 đồng cho Công ty D vào ngày 15-5-2020 nhưng sau đó Công ty M không thực hiện.

Công ty D vẫn chấp nhận khấu trừ giá trị 114.600.000 đồng của 02 đơn hàng bị lỗi vào số tiền đặt cọc là: 600.000.000 đồng và yêu cầu Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh M thanh toán số tiền 485.400.000 (Bốn trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu D.

Tại phiên tòa Công ty D giữ nguyên ý kiến trình bày nêu trên, yêu cầu đưa ông Lý Quốc M, người chịu trách nhiệm quản lý phân xưởng, chất lượng hàng hóa

của Công ty D tham gia phiên tòa với tư cách là người làm chứng.

Theo bản tự khai ngày 23-7-2020 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh M là ông Đặng Ngọc Q trình bày:

Công ty M có ký kết hợp đồng nguyên tắc ngày 11-01-2020 với Công ty D với các nội dung như các bên được thỏa thuận trong hợp đồng đã cung cấp cho Tòa án. Công ty M đã nhận số tiền cọc 600.000.000 đồng của Công ty D và xác nhận các đơn hàng, số lượng, ngày giao hàng, các khoản tiền đã nhận thanh toán như đại diện Công ty D đã trình bày, ngoại trừ 02 đơn hàng ngày 24 và ngày 25-02-2020. Cụ thể:

Ngày 24-02-2020 Công ty M giao 4.450kg PET; ngày 25-02-2020 giao 3.190kg PET nhưng Công ty D cho rằng hàng lỗi là không đúng. Vì Công ty D không có ý kiến phản hồi cho tài xế của Công ty M khi nhận hàng, trong vòng 10 ngày Công ty D cũng không trả hàng lỗi theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng. Đến nay 02 đơn hàng ngày 24 và ngày 25-02-2020 Công ty D vẫn chưa thanh toán là vi phạm thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng “*Thời gian thanh toán theo từng đợt xe giao hàng, thanh toán trong vòng 24 giờ kể từ khi Công ty D nhận được hàng và phiếu cân hàng*”. Theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng thì Công ty M sẽ đơn phương hủy bỏ hợp đồng nguyên tắc đã ký giữa các bên và không trả lại tiền cọc 600.000.000 đồng cho Công ty D.

Công ty M xác nhận ông H có đến Công ty M làm việc về việc thanh lý hợp đồng, ông Q có ủy quyền cho kế toán Trương Thị Kim N viết phiếu hẹn ngày 08-5-2020 đồng ý thanh lý hợp đồng và thanh toán số tiền còn lại cho Công ty D vào ngày 15-5-2020 là vì Công ty M có thiện chí muốn trả lại tiền cọc cho Công ty D chứ Công ty M không vi phạm hợp đồng.

Tuy nhiên Công ty D cho rằng Công ty M giao hàng không đúng chất lượng làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty M nên Công ty M thay đổi ý kiến yêu cầu hủy bỏ hợp đồng đã ký kết giữa 02 Công ty, không chấp nhận trả lại tiền cọc cũng như số tiền 485.400.000 đồng mà Công ty D khởi kiện.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27-7-2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Kim N trình bày:

Chị là nhân viên kế toán của Công ty M, xác nhận giữa Công ty D và Công ty M có ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán chai nhựa. Công ty M đã giao 05 chuyến hàng, được nhận thanh toán được 03 chuyến hàng, còn lại 02 chuyến hàng ngày 24 và ngày 25-02-2020 chưa nhận thanh toán. Theo thỏa thuận giữa các bên, khi Công ty M giao hàng xong Công ty D phải thanh toán tiền hàng trong vòng 24 giờ nên ngày 26-02-2020, chị điện thoại cho Công ty D hỏi về việc thanh toán tiền hàng trên thì được Công ty D trả lời sẽ trả tiền và thúc ép Công ty M giao hàng tiếp nhưng Công ty M không đồng ý.

Ngày 04-5-2020 ông Mai Thanh H có đến Công ty M yêu cầu gặp trực tiếp ông Q để làm việc nhưng không gặp được. Ngày 08-5-2020 ông H tiếp tục đến Công ty M, lúc này chị điện thoại cho ông Q trình bày sự việc, ông Q đồng ý thanh lý hợp đồng nguyên tắc và sẽ thanh toán số tiền 485.400.000 đồng cho Công ty D sau khi trừ tiền hàng ngày 24 và ngày 25-02-2020 vào số tiền đặt cọc 600.000.000 đồng. Chị có viết phiếu hẹn giao cho ông Hải đến ngày 15-5-2020 sẽ thực hiện nội dung trên.

Ngày 15-5-2020 ông H đến yêu cầu Công ty M ký thanh lý hợp đồng và trả số tiền 485.400.000 đồng cho Công ty D nhưng Công ty M yêu cầu ký thanh lý hợp đồng xong mới thanh toán tiền. Hai bên không thống nhất được nên Công ty D mới khởi kiện ra Tòa.

Tại phiên tòa chị N vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa người làm chứng ông Lý Quốc M trình bày:

Ông là nhân viên của Công ty D thực hiện nhiệm vụ quản lý phân xưởng, kiểm tra chất lượng hàng hóa của Công ty. Theo nguyên tắc giao nhận hàng, Công ty M cho tài xế chở hàng PET đến giao tại kho hàng Công ty D thuộc ấp 8, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An; nếu hàng hóa đạt yêu cầu Công ty D mới nhận hàng. Ngày 24 và ngày 25-02-2020, Công ty D đã tiếp nhận hàng PET của Công ty M nhưng sau đó phát hiện hàng PET không đảm bảo chất lượng đã thông báo cho Công ty M đổi hàng nhưng Công ty M không thực hiện việc đổi hàng.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 24, 310 của Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu D. Buộc Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh M thanh toán cho Công ty Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu D số tiền 485.400.000 (Bốn trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty D yêu cầu Công ty M có nghĩa vụ thanh toán số tiền 485.400.000 đồng phát sinh trong quá trình mua bán hàng hóa giữa 02 Công ty. Do Công ty M có trụ sở tại phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” và Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Kim N vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy Công ty M và Công ty D đều thống nhất có ký kết hợp đồng nguyên tắc số MK 01/HĐNT ngày 11-01-2020 với các nội dung thỏa thuận gồm 7 Điều được quy định cụ thể trong hợp đồng về việc mua bán chai cocacola, chai nước ngọt ...gọi tắt là PET, có giá trị 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng; thỏa thuận giao hàng bắt đầu từ ngày 08-02-2020 kết thúc vào ngày 07-5-2020. Hợp đồng có hiệu lực trong vòng 03 tháng kể từ ngày 08-02-2020 cho đến ngày 07-5-2020. Công ty M đã nhận tiền đặt cọc 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng của Công ty D. Quá trình mua bán từ ngày 07-02-2020 đến ngày 18-02-2020 Công ty M đã giao 20.740kg PET; đã nhận thanh toán tổng số tiền 311.125.000 đồng. Ngày 24-02-2020 Công ty M giao 4.450 kg; ngày 25-02-2020 giao 3.190kg với tổng giá trị là 114.600.000 đồng nhưng cho đến nay Công ty D chưa thanh toán 02 đơn hàng này.

Giải thích về việc chưa thanh toán tiền hàng ngày 24 và ngày 25-02-2020, Công ty D cho rằng Công ty M giao hàng không đúng chất lượng nhưng chỉ cung cấp hình ảnh chụp hàng hóa bị lỗi, không tổ chức thẩm định hàng lỗi, lời trình bày của người đại diện Công ty D không phù hợp với nguyên tắc giao nhận hàng của các bên (*khi kiểm tra hàng đảm bảo chất lượng mới nhận hàng*) và không được Công ty M thừa nhận nên không đủ căn cứ xác định Công ty M giao hàng lỗi. Từ ngày 26-02-2020 Công ty M đã ngừng giao hàng theo hợp đồng.

Công ty M cho rằng Công ty D đã vi phạm thời hạn thanh toán tiền hàng theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng “*Thời gian thanh toán theo từng đợt xe giao hàng, thanh toán trong vòng 24 giờ kể từ khi Công ty D nhận được hàng và phiếu cân hàng*” nên Công ty M có quyền đơn phương hủy bỏ hợp đồng, không thanh toán tiền cọc 600.000.000 đồng theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng. Nhưng cho đến nay Công ty M chưa có văn bản thông báo cho Công ty D biết về việc đơn phương hủy bỏ hợp đồng theo quy định tại Điều 315 của Luật Thương mại.

Mặt khác theo diễn biến sự việc, ngày 08-5-2020 ông Q là người đại diện pháp

luật cho Công ty Mủy quyền cho bà Trương Thị Kim N viết phiếu hẹn cho Công ty D với nội dung “*Công ty Mhẹn vào 9 giờ ngày 15-5-2020 sẽ thanh lý hợp đồng và thanh toán hết số tiền còn lại*”. Ngày 13-5-2020 Công ty D có Công văn đề nghị Công ty M thanh lý hợp đồng và thanh toán hết số tiền 485.400.000 đồng của hợp đồng sau khi đã trừ giá trị 02 đơn hàng ngày 24 và ngày 25-02-2020. Ngày 15-5-2020 Công ty D có mang bản thanh lý hợp đồng đến Công ty M làm việc nhưng không được giải quyết. Quá trình làm việc và tại phiên tòa Công ty M thừa nhận sự việc nêu trên, có thiện chí trả lại tiền số tiền cọc 600.000.000 đồng cho Công ty D .

Như vậy cho thấy Công ty D và Công ty M đã ngừng thực hiện giao dịch hợp đồng nguyên tắc kể từ ngày 26-02-2020 và theo quy định tại Điều II của hợp đồng thì hợp đồng giữa các bên đã hết hiệu lực kể từ ngày 08-5-2020, giữa hai Công ty đã có sự thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng này. Công ty D đã chấp nhận thanh toán đơn hàng ngày 24 và ngày 25-02-2020 với giá trị 114.600.000 đồng được khấu trừ vào số tiền đặt cọc 600.000.000 đồng, Công ty M đã chấp nhận thanh toán số tiền 485.400.000 đồng cho Công ty D theo nội dung phiếu hẹn ngày 08-5-2020. Nay Công ty M thay đổi ý kiến yêu cầu hủy bỏ hợp đồng nguyên tắc, không đồng ý trả lại số tiền 485.400.000 đồng cho Công ty D là không phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu D về việc buộc Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh M thanh toán số tiền 485.400.000 (Bốn trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng.

[3] Về án phí: Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 24, 50 Luật Thương mại và Điều 422 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu D về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” đối với Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh M.

Buộc Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu D số tiền 485.400.000 (Bốn trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu D có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh M chưa trả các khoản tiền nêu

trên, thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Công ty Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập khẩu D được nhận lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp là 11.708.000 (Mười một triệu bảy trăm lẻ tám nghìn) đồng tại Biên lai thu số 0000280 ngày 07-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

+ Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh M phải chịu số tiền 23.416.000 (Hai mươi ba triệu bốn trăm mười sáu nghìn) đồng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Liên